TÒA ÁN N DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-PT
Ngày: 29 - 6 - 2022
V/v tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con

N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN N DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tư

Các Thẩm phán: Ông Lê Nguyên Khoa

Ông Nguyễn Hữu Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Ni – Thư ký Tòa án N dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát N dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Lữ Thị Tuyết Lan – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án N dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2022/TLPT – HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2022 về "Tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con".

Do Bản án hôn N và gia đình sơ thẩm số: 27/2022/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Tòa án N dân thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm: 18/2022/QĐ-PT ngày 14 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn N, sinh năm 1985; nơi cư trú: Ấp Tân Hậu 2, xã Tân Trung, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Nơi ở hiện nay: Số 49/24/12 X1, phường Y1, quận Z1, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Bùi Bé T, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp X3, xã Y3, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long.

Do có kháng cáo của: Bà Bùi Bé T – Là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 24/01/2022 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Trần Văn N trình bày*:

Vào năm 2018, ông Trần Văn N và bà Bùi Bé T đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 1378/2018/QĐST-HNGĐ ngày 11/12/2018 của Tòa án N dân quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, theo quyết định ông N nuôi dưỡng cháu Trần Huỳnh Nh, sinh ngày 15/5/2008, bà T nuôi dưỡng cháu Trần Phúc Th, sinh ngày 29/12/2011 và mỗi tháng ông N cấp dưỡng nuôi cháu Th là 2.000.000 đồng. Từ ngày ly hôn, ông N vẫn luôn đến thăm cháu Th và đón cháu về nhà Nội chơi. Do dịch bệnh hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên từ tháng 4/2021 ông N không thể tiếp tục cấp dưỡng cho cháu Th nhưng hiện nay ông đã mở cơ sở kinh doanh riêng thu nhập hàng tháng khoảng hơn 11.000.000 đồng nên tháng 4/2022 ông N đã tiếp tục cấp dưỡng cho cháu Th. Khoảng đầu tháng 6/2021, ông N biết việc bà T không trực tiếp chăm sóc con mà đem cháu Th gửi vào Cơ sở thiện nguyện H S tại xã Y4, huyện Z4, tỉnh Kiên Giang gây khó khăn, cản trở việc ông N thăm nom con.

Do bà T không trực tiếp chăm sóc con và để đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng tốt nhất cho cháu Th, vì vậy ông N yêu cầu được thay đổi người nuôi con, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Phúc Th, sinh ngày 29/12/2011. Ông N không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Tại bản tự khai ngày 02/3/2022 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Bùi Bé T trình bày*: Bà T và ông N đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 1378/2018/QĐST-HNGĐ ngày 11/12/2018 của Tòa án N dân quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, theo thỏa thuận ông N nuôi dưỡng cháu Trần Huỳnh Nh, sinh ngày 15/5/2008, bà T nuôi dưỡng cháu Trần Phúc Th, sinh ngày 29/12/2011 và mỗi tháng ông N cấp dưỡng nuôi cháu Th là 2.000.000 đồng. Tuy nhiên từ tháng 04/2021, ông N không cấp dưỡng nuôi con. Do dịch Covid -19 bùng phát phải giãn cách xã hội, bà T không đi làm được và thiếu nợ Ngân hàng, khi đi làm

thiện nguyện chở rau củ quả ở Cửa hàng nội thất H S thuộc số 519, quốc lộ 61, ấp X4, xã Y4, huyện Z4, tỉnh Kiên Giang có dẫn cháu Th theo và cháu Th có tâm nguyện ở lại để học cách chữa bệnh cứu người và học "Chú đại bi" nên bà T gửi cháu cho "Cha Thiêng" và "Mẹ Mẫu" nuôi dưỡng. Hàng tháng, bà T đi thăm cháu Th từ 03 đến 04 lần, việc ăn uống của cháu do "Cha Thiêng" và "Mẹ Mẫu" chi trả. Bà T nhiều lần muốn đem cháu Th về nhà nhưng cháu Th không đồng ý nhưng khi ông N khởi kiện yêu cầu thay đổi quyền nuôi con, Tòa án có đến làm việc với "Cha Thiêng" và "Mẹ Mẫu" nên họ có khuyên bà T nên dẫn cháu Th về nhà sắp xếp lại việc gia đình nên ngày 03/4/2022 bà T đã đem cháu Th về nhà riêng thuộc Ấp X3, xã Y3, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long sống cùng cho đến nay, do cháu Th không muốn đi học nên khi bà T đi làm thì cháu ở nhà một mình. Bà T không ngăn cản quyền thăm nom con của ông N vì khi ông N đến Cửa hàng nội thất H S muốn đem cháu Th đi nhưng cháu khóc không chịu và không được sự đồng ý của bà T nên "Cha Thiêng" và "Mẹ Mẫu" không đồng ý. Vào tháng 4/2022, ông N có gửi tiền cấp dưỡng cháu Th nhưng bà T không nhận do ông không đưa trực tiếp cho bà T. Hiện bà T làm công N cho Công ty may ở khu công nghiệp Hoàng Quân thu nhập khoảng 4.200.000 đồng/tháng nên đủ điều kiện chăm sóc cháu Th. Nay bà T không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông N, yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Phúc Th, sinh ngày 29/12/2011 và không yêu cầu ông N cấp dưỡng cho cháu Th. Ngoài ra, bà T không có yêu cầu gì khác.

**Tại Bản án hôn N và gia đình sơ thẩm số: 27/2022/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Tòa án N dân thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định như sau:*

Áp dụng khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 58, Điều 69, Điều 70, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 84 của Luật hôn N và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Văn N.

Buộc bà Bùi Bé T giao cháu Trần Phúc Th sinh ngày 29/12/2011 cho ông Trần Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Trần Phúc Th đủ 18 tuổi.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về cấp dưỡng nuôi con, về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 13/5/2022 bị đơn Bùi Bé T kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên cháu Trần Phúc Th sinh ngày 29/12/2011, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn Bùi Bé T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Trần Phúc Th sinh ngày 29/12/2011, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn Trần Văn N đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

Vị Kiểm sát viên - Đại diện Viện kiểm sát N dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến về tính có căn cứ và hợp pháp việc kháng cáo của bị đơn Bùi Bé T; về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm; Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về phần bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn; Giữ nguyên án sơ thẩm; Bị đơn phải nộp án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 13/5/2022 bị đơn Bùi Bé T kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định. Nên đơn kháng cáo của bị đơn được xem xét theo thủ tục phúc thẩm theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Bùi Bé T yêu cầu nuôi dưỡng con chung tên Trần Phúc Th, sinh ngày 29/12/2011, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc cha mẹ trông nom, chăm sóc, giáo dục con sau khi ly hôn vừa là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ được quy định tại Điều 81 Luật Hôn N và Gia đình năm 2014. Khi giải quyết ly hôn, các đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc nuôi con hoặc Tòa án xử giao con cho ai là người trực tiếp nuôi con phải căn cứ vào điều kiện cụ thể của từng người và phải quan tâm đến quyền lợi và lợi ích mọi mặt của đứa trẻ.

Xét thấy, sau khi ông N và bà T ly hôn, ông N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Huỳnh Nh, sinh ngày 15/5/2008, bà T nuôi dưỡng cháu Trần Phúc Th, sinh ngày 29/12/2011. Bà T thừa nhận sau khi ly hôn, bà trực tiếp chăm sóc cháu Th đến khoảng tháng 5/2020 (sau khoảng 01 tháng kể từ khi hết Chỉ Thị số16/CT-TTg ngày 31/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid – 19) do phải đi làm công N tại Khu Công nghiệp Z nên bà T không trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th mà gửi cho ông Nguyễn Hoàng S và bà Tạ Thị Thanh H - Chủ Cửa hàng nội thất H S thuộc số 519, quốc lộ 61, ấp X4, xã Y4, huyện Z4, tỉnh Kiên Giang nuôi dưỡng, khoảng 10 ngày thì bà T đến thăm cháu Th 01 lần, lâu lâu thì dẫn cháu Th về nhà chơi. Đến ngày 03/4/2022, bà T đã rước cháu Th về nhà riêng để chăm sóc do ông N khởi kiện thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Tại biên bản lấy lời khai của ngày 05/4/2022 ông Nguyễn Hoàng S và bà Tạ Thị Thanh H trình bày: Từ khi hết Chỉ Thị số 16/CT-TTg ngày 31/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid – 19 bà T đi làm công ty, cháu Th xin ở lại với ông S, bà H, bà T cũng đồng ý, khoảng 10 ngày hoặc nửa tháng bà T rước cháu Th về Vĩnh Long, sau đó bà T đưa cháu Th gởi lại ông S, bà H, vì thấy hoàn cảnh bà T khó khăn và cháu Th cũng muốn ở lại nên ông bà nhận nuôi dưỡng, cháu Th không có đi học, chi phí sinh hoạt do ông S, bà H lo.

Xét thấy, bà T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th nhưng bà không trực tiếp chăm sóc con mà gửi cho vợ chồng ông S và bà H cư trú tại số 519, quốc lộ 61, ấp X4, xã Y4, huyện Z4, tỉnh Kiên Giang . Cháu Th còn ở độ tuổi rất nhỏ, là giai đoạn rất cần sự quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục thường xuyên của cha, mẹ để đảm bảo sự phát triển đầy đủ về thể chất, tinh thần, sức khỏe và N cách. Tuy nhiên khi sống cùng ông S, bà H cháu Th không được đến trường đi học. Xét thấy, trong thời gian cháu Th sống cùng bà T, ông N thường xuyên thăm nom và cấp dưỡng cho cháu Th. Ông N có nơi cư trú rõ ràng, có mở cơ sở kinh doanh riêng nên có công việc và thu nhập ổn định khoảng hơn 11.000.000 đồng/tháng, trong khi đó bà T khai thu nhập hàng tháng khoảng 4.200.000đồng chưa trừ khoản nợ ngân hàng phải thanh toán hàng tháng. Xét thấy, bà T đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của cha mẹ theo quy định tại Điều 69 của Luật Hôn N và gia đình năm 2014 nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 84 của Luật Hôn N và gia

đình năm 2014, Tòa án cấp sơ thẩm giao cháu Th cho ông N nuôi dưỡng là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không thống nhất chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T; Giữ nguyên án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Bị đơn Bùi Bé T phải chịu án phí phúc thẩm theo khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 58, Điều 69, Điều 70, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 84 của Luật hôn N và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Bùi Bé T; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 27/2022/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Tòa án N dân thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long.

1. Về con chung: Giao con chung Trần Phúc Th sinh ngày 29/12/2011 cho ông Trần Văn N trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Bùi Bé T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2. Về án phí phúc thẩm: Bà Bùi Bé T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí phúc thẩm, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0012615 ngày 13/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long. Bà Bùi Bé T đã nộp xong.

3. Quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC: 01;
- VKSNDTVL: 02;
- TNV: 01;
- TAND TXBM: 01;
- Chi cục TXBM; 01;
- Đ/s: 02;
- Lưu hồ sơ vụ án: 06.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tư